

HỒ NG THỊ NHO
NGUYỄN THỊ THU THỦY

MODULE THCS

37

**GIÁO DỤC VÌ SỰ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC
CƠ SỞ**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Giai đoạn 2005 – 2014 được Liên hợp quốc chọn làm “Thập kỷ giáo dục vì phát triển bền vững”. Chính phủ Việt Nam đã quyết định tham gia hưởng ứng thập kỷ này trong các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế để xây dựng một thế giới bền vững.

Module này mô tả các nội dung của giáo dục vì sự phát triển bền vững và con đường thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững ở trường trung học cơ sở (tự học: 7 tiết; học tập trung lý thuyết: 8 tiết).

Module này giúp người học tìm hiểu về phát triển bền vững, mối quan tâm cấp bách và hàng đầu hiện nay tại nhiều địa phương, quốc gia và trên toàn thế giới. Đồng thời, tìm hiểu các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường mà địa phương và thế giới ngày nay đang phải đối mặt.

Từ các vấn đề phát triển bền vững, module giúp người học nhìn nhận vai trò của giáo dục vì một tương lai bền vững và sự phát triển của khái niệm Giáo dục vì sự phát triển bền vững (giáo dục vì sự phát triển bền vững) trên thế giới và tại Việt Nam. Module nêu ra nhiều cách thức khác nhau để định hướng giáo dục trong nhà trường và lồng ghép chủ đề phát triển bền vững trong dạy và học, để học sinh có thể phát triển kiến thức, kỹ năng và các thái độ cần thiết để xây dựng một cuộc sống bền vững.



B. MỤC TIÊU

Module giúp người học có khả năng:

- Nhận thức được các khái niệm và những nội dung cơ bản của phát triển bền vững.
- Giải thích được vai trò của giáo dục với phát triển bền vững và khái niệm “giáo dục vì sự phát triển bền vững”.
- Phân tích được các mục tiêu về kiến thức, giá trị và kỹ năng để định hướng lại giáo dục vì một tương lai bền vững.
- Xác định ra cách thức lồng ghép giáo dục vì sự phát triển bền vững và áp dụng vào dạy và học ở cấp trung học cơ sở.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu những thách thức đối với địa phương, quốc gia và toàn cầu.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Hãy nêu những vấn đề thách thức về kinh tế, xã hội và sinh thái trên thế giới và Việt Nam hiện nay.**

- 2) Phát triển bền vững có vai trò như thế nào với phát triển kinh tế và xã hội?**

Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây để hoàn thiện cho câu trả lời.

2. Thông tin phản hồi

2.1. *Phát triển bền vững là vấn đề cấp bách, từ địa phương tới toàn cầu*

Sau một thời kì các nước trên thế giới thi đua công nghiệp hoá, khai thác tài nguyên, tìm kiếm thị trường, đã dẫn đến tình trạng tăng trưởng kinh tế và dân số quá nhanh, sản xuất không giới hạn và khai thác vô ý thức các tài nguyên dẫn đến ô nhiễm môi trường, môi sinh làm cạn kiệt nguồn dự trữ tài nguyên thiên nhiên trên thế giới. Vào đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, vấn đề phát triển bền vững được đặt ra cho tất cả các quốc gia trên toàn thế giới.

Từ thập kỉ cuối của thế kỉ XX, phát triển bền vững ngày càng được cả thế giới quan tâm. Nói tới phát triển kinh tế và phát triển xã hội, phát triển quốc gia hay phát triển địa phương, phát triển toàn cầu hoặc phát triển khu vực đều được hiểu theo nghĩa “phát triển bền vững”.

Phát triển bền vững là hướng đi mà Liên hợp quốc, chính phủ các quốc gia, các đoàn thể và công đoàn, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quần chúng... đã tán đồng và ủng hộ. Các nước phát triển cũng như các quốc gia đang phát triển đều chủ trương phát triển bền vững, soạn thảo các chương trình và kế hoạch kinh tế – xã hội đều theo hướng của sự phát triển bền vững.

2.2. *Một số thách thức trên thế giới về phát triển bền vững*¹

- Hiện có hơn 6 tỉ người trên thế giới và 4,6 tỉ người sống trong các quốc gia đang phát triển của phương Nam.

¹ Các số liệu ở hai phần này lấy từ Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam – 1/2011.

- Trong số này, hơn 850 triệu người là mù chữ, gần một tỉ người không được dùng nước sạch và 2,4 tỉ người thiếu các điều kiện vệ sinh cơ bản. Gần 325 triệu trẻ em không được đi học, 11 triệu trẻ em dưới 5 tuổi chết mỗi năm.
- Khoảng 1,2 tỉ người sống dưới mức 1\$/ngày và 2,8 tỉ người sống dưới mức 2\$/ngày – đó là 2/3 dân số thế giới.

2.3. *Tình hình thực hiện phát triển bền vững thời kì 2005 – 2010 của Việt Nam¹*

* *Về kinh tế:*

- Kết quả: Tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm ước đạt 7% (kế hoạch đề ra là 7,5 – 8%). GDP tính theo đầu người năm 2010 dự kiến đạt khoảng 1.162 USD, đưa nước ta ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước tiếp tục được quan tâm. Tất cả các vùng đều đạt và vượt mục tiêu về GDP bình quân đầu người và giảm tỉ lệ hộ nghèo so với kế hoạch đề ra.
- Hạn chế, tồn tại: Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, thiếu chiều sâu, đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên không tái tạo. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đồng đều và chưa phát huy thế mạnh trong từng ngành, từng vùng, từng sản phẩm. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Sự tăng trưởng kinh tế còn dựa một phần quan trọng vào vốn vay bên ngoài.

* *Về xã hội:*

- Kết quả: Các mặt xã hội như công tác xoá đói giảm nghèo, công tác dân số và bảo vệ chăm sóc sức khoẻ người dân, giáo dục và tạo việc làm cho người lao động đều đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ. Công tác an sinh xã hội được đặc biệt coi trọng. Tính đến cuối năm 2010, tỉ lệ hộ nghèo dự kiến giảm còn dưới 10% (tương ứng với 1,7 triệu hộ nghèo). Theo ước tính trong 5 năm qua, trên 8 triệu lao động đã được giải quyết việc làm. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam tiếp tục tăng. Năm 2008, Việt Nam được tăng hạng lên 105/177 nước với chỉ số HDI đạt 0,733 điểm. Đến nay các mục tiêu thiên niên kỉ đều đã đạt được và vượt cam kết với cộng đồng quốc tế.

¹ Các số liệu ở hai phần này lấy từ Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam – 1/2011.

- Hạn chế, tồn tại: Tình trạng tái nghèo ở một số vùng khó khăn có chiều hướng gia tăng. Giải quyết việc làm chưa tạo được sự bứt phá, chưa tạo được nhiều việc làm bền vững. Cơ cấu dân số biến động mạnh, mất cân bằng giới tính khi sinh ngày càng nghiêm trọng. Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân còn nhiều bất cập; sản xuất, quản lý và sử dụng thuốc chữa bệnh còn nhiều yếu kém, thiếu sót. Hệ thống giáo dục quốc dân chưa đồng bộ, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước.

* *Về tài nguyên và môi trường:*

- Ưu điểm: Hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đang được hoàn thiện theo hướng tiếp cận với các mục tiêu phát triển bền vững. Các nguồn lực cho công tác bảo vệ tài nguyên môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đã và đang được tăng cường mạnh mẽ. Hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường thu được nhiều kết quả tốt. Tốc độ gia tăng ô nhiễm đã từng bước được hạn chế. Chất lượng môi trường tại một số nơi, một số vùng đã được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân cũng như quá trình phát triển bền vững của đất nước.
- Hạn chế, tồn tại: Các vấn đề môi trường như ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí; suy giảm đa dạng sinh học; khai thác khoáng sản và quản lý chất thải rắn đang gia tăng, gây bức xúc trong nhân dân. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa đồng bộ. Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở các cấp, các ngành và nhân dân chưa đầy đủ. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên vẫn đang diễn ra tương đối phổ biến.

(Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam – 1/2011).

Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm phát triển bền vững.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Thuật ngữ phát triển bền vững bắt đầu xuất hiện từ bao giờ?

2) Phát triển bền vững có nghĩa là gì?

3) Sự tham gia của các nước và Việt Nam về vấn đề phát triển bền vững nói chung ở cấp toàn cầu và cấp độ quốc gia như thế nào?

Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện câu trả lời.

2. Thông tin phản hồi

Thế kỉ XXI được đánh giá như một thời đại hậu công nghiệp hoá, hậu tri thức, nơi cơ cấu xã hội dần dần được xây dựng trên những khả năng mang tính luận lí, tuyến tính, chuyên biệt và đầy những kí tự nhị nguyên của thông tin số.

- * Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển đã đặt ra ý tưởng về sự bền vững nằm trong khái niệm sau: *"Xã hội bền vững chính là một cộng đồng đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không đánh mất khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ trong tương lai"*.

Phát triển bền vững là một khái niệm không giới hạn và vẫn còn thảo luận. Tuy nhiên, khái niệm này cũng có một số nguyên tắc căn bản, bao gồm:

- Tích hợp các chính sách và hoạt động của kinh tế với môi trường;
- Nguyên tắc phòng ngừa;
- Nhận thức những chiều kích toàn cầu;
- Định giá trị môi trường;
- Bảo đảm công bằng giữa các thế hệ và ngay trong từng thế hệ;
- Bảo tồn sự toàn vẹn của sinh thái và đa dạng sinh học;
- Sự tham gia của toàn thể cộng đồng.
- * Khái niệm phát triển bền vững được hình thành và trải qua các mốc sự kiện trên thế giới như sau:
 - Năm 1963: cuốn sách *Mùa xuân cầm lòng* của nữ văn sĩ Rachel Carson, với những tiết lộ về những hiểm họa của thuốc trừ sâu DDT, đã hoài nghi một cách biện chứng niềm tin của nhân loại vào tiến bộ khoa học kĩ thuật này và giúp tạo ra một sân khấu cho các phong trào môi trường. DDT, thuốc trừ sâu mạnh nhất từng được biết đến trên thế giới, đã làm tổn thương tới các hệ tự nhiên. Chỉ một lần phun DDT để diệt một loài sâu hại cây trồng, nó không chỉ diệt được loài sâu bệnh trong nhiều tuần hoặc nhiều tháng, mà đồng thời cũng tiêu diệt luôn nhiều loài côn trùng có lợi khác và tồn lưu như một độc chất trong môi trường. *Mùa xuân cầm lòng* đã làm thay đổi nhận thức của người dân Mỹ về môi trường, góp phần thúc đẩy các chính sách về môi trường của đất nước này.

- Tháng 4/1968: *Câu lạc bộ Rome được thành lập*. Đây là một tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ cho việc nghiên cứu “Những vấn đề của thế giới” – một cụm từ được đặt ra nhằm diễn tả những vấn đề chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường và công nghệ trên toàn cầu với tầm nhìn lâu dài. Tổ chức này đã tập hợp những nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà kinh doanh cũng như các nhà lãnh đạo của các quốc gia trên thế giới (Trong nhiều năm, Câu lạc bộ Rome đã công bố một số lượng lớn các báo cáo, bao gồm cả bản báo cáo *Giới hạn của sự tăng trưởng* – Năm 1972 – đề cập tới hậu quả của việc tăng dân số quá nhanh, sự hữu hạn của các nguồn tài nguyên...).
- Năm 1970, UNESCO thành lập Chương trình Con người và Sinh quyển, với mục tiêu là phát triển cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý và bảo tồn các tài nguyên của sinh quyển và cải thiện quan hệ toàn cầu giữa loài người và môi trường.
- Tháng 6/1972, Hội nghị của Liên hợp quốc về Con người và môi trường: tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển được đánh giá là hành động đầu tiên đánh dấu sự nỗ lực chung của toàn thể nhân loại, nhằm giải quyết các vấn đề về môi trường. Hội nghị có 113 quốc gia tham dự và đã đạt được những kết quả chính sau:
 - + Khởi động các cuộc đối thoại Bắc – Nam;
 - + Khởi động chương trình “Viễn cảnh toàn cầu”;
 - + Khởi động sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong giám sát và bảo vệ môi trường;
 - Thành lập Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP);
 - Đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc lấy ngày 5/6 làm Ngày Môi trường Thế giới và quyết định vào ngày này hằng năm, Liên hợp quốc và tất cả chính phủ trên phạm vi toàn thế giới tiến hành các hoạt động nhằm tái khẳng định mối quan tâm của cả thế giới đối với việc gìn giữ và cải thiện môi trường sống cho nhân loại. Hội nghị đã có một tuyên bố về môi trường con người, thoả thuận về một chương trình hành động quốc tế rộng lớn, thành lập Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP), Ban Thư ký thường trực về môi trường đặt tại Kenya và thành lập Quỹ Môi trường.
- Năm 1980, tiếp theo Hội nghị Stockholm, tổ chức Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới (WWF) đã đưa ra Chiến lược bảo tồn thế giới. Chiến lược này thúc giục các nước soạn thảo các chiến lược bảo

tồn quốc gia của mình. Ba mục tiêu chính về bảo tồn tài nguyên sinh vật được nhấn mạnh trong Chiến lược như sau:

- + Duy trì những hệ sinh thái cơ bản và những hệ hỗ trợ sự sống (như cải tạo đất, tái sinh các nguồn dinh dưỡng, bảo vệ an toàn nguồn nước);
- + Bảo tồn tính đa dạng sinh học;
- + Bảo đảm sử dụng một cách bền vững các loài và các hệ sinh thái.

Từ khi Chiến lược bảo tồn thế giới được công bố tới nay, đã có trên 60 chiến lược bảo tồn quốc gia được phê duyệt. Trong chiến lược này, thuật ngữ *Phát triển bền vững* lần đầu tiên được nhắc tới, tuy nhiên mới chỉ nhấn mạnh ở góc độ bền vững sinh thái. Tiếp theo Chiến lược này, năm 1991 một công trình khoa học có tiêu đề *Cứu lấy Trái Đất – Chiến lược cho cuộc sống bền vững* đã được IUCN, UNEP và WWF soạn thảo và công bố (cuốn sách này đã được Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường dịch ra tiếng Việt vào năm 1993). Trong đó, nhiều khuyến nghị về cải cách luật pháp, thể chế và quản trị đã được đề xuất.

- Năm 1984, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã uỷ nhiệm cho bà Gro Harlem Brundtland, khi đó là Thủ tướng Na Uy, quyền thành lập và làm chủ tịch Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển (WCED), nay còn được biết đến với tên Ủy ban Brundtland. Tới nay, Ủy ban này đã được ghi nhận có những cống hiến rất giá trị cho việc đẩy mạnh sự phát triển bền vững.
- Năm 1987, hoạt động của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới trở nên nóng bỏng khi công bố báo cáo có tựa đề “*Tương lai của chúng ta*”. Bản báo cáo này lần đầu tiên công bố chính thức thuật ngữ “*phát triển bền vững*”, sự định nghĩa cũng như một cái nhìn mới về cách hoạch định các chiến lược phát triển lâu dài.
- Năm 1989, bản báo cáo “*Tương lai của chúng ta*” đã được đưa ra bàn bạc tại Đại hội đồng Liên hợp quốc và đã dẫn đến sự ra đời của Nghị quyết 44/228 – tiền đề cho việc tổ chức Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc.
- Năm 1992, Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc (UNCED) tại Rio de Janeiro, Brazil. Tại đây, các đại biểu tham gia đã thống nhất những nguyên tắc cơ bản và phát động một chương trình hành động vì sự phát triển bền vững mang tên Chương trình Nghị sự 21 (Agenda21). Với sự tham gia của đại diện hơn 200 nước trên thế giới cùng một số lượng lớn các tổ chức phi chính phủ. Hội nghị đã thông qua các văn bản quan trọng:

- + Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển với 27 nguyên tắc chung, xác định những quyền và trách nhiệm của các quốc gia nhằm làm cho thế giới phát triển bền vững;
- + Chương trình Nghị sự 21 về phát triển bền vững;
- + Tuyên bố các nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng;
- + Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu nhằm ổn định các khí gây hiệu ứng nhà kính ở mức độ không gây đảo lộn nguy hiểm cho hệ thống khí hậu toàn cầu;
- + Công ước về Đa dạng sinh học.

Đây là các văn kiện quốc tế quan trọng có mối liên quan với nhau, được quán triệt trong suốt thế kỉ XXI.

Chương trình Nghị sự 21 về phát triển bền vững đã trở thành chiến lược phát triển của toàn cầu trong thế kỉ XXI, và "Mục tiêu phát triển thiên niên kỉ", với 8 nội dung (xóa đói; giảm nghèo; phổ cập giáo dục tiểu học; thúc đẩy bình đẳng giới tính, đồng thời nâng cao quyền lợi của nữ giới; giảm tỉ lệ trẻ em tử vong; cải thiện và đảm bảo sức khỏe sản phụ; đấu tranh với các loại bệnh như HIV, sốt xuất huyết; bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển hợp tác toàn cầu) đã được tập trung thực hiện.

- Năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững nhóm họp tại Johannesburg, Nam Phi là dịp cho các bên tham gia nhìn lại những việc đã làm 10 năm qua theo phương hướng mà Tuyên ngôn Rio và Chương trình Nghị sự 21 đã vạch ra, tiếp tục tiến hành với một số mục tiêu được ưu tiên. Những mục tiêu này bao gồm xóa nghèo đói, phát triển những sản phẩm tái sinh hoặc thân thiện với môi trường, nhằm thay thế các sản phẩm gây ô nhiễm, bảo vệ và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hội nghị cũng đề cập tới chủ đề toàn cầu hoá gắn với các vấn đề liên quan tới sức khỏe và phát triển. Các đại diện của các quốc gia tham gia Hội nghị cũng cam kết phát triển chiến lược về phát triển bền vững tại mỗi quốc gia trước năm 2005.

Như vậy, có thể thấy rằng thuật ngữ "phát triển bền vững" xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn thế giới* (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế – IUCN) với nội dung rất đơn giản: "Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học".

Khái niệm này được khẳng định trong Báo cáo Brundtland (năm 1987). Báo cáo này ghi rõ: Phát triển bền vững là *"sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai..."*. Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế – xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hoà ba lĩnh vực chính: kinh tế – xã hội – môi trường.

* Sự hình thành khái niệm phát triển bền vững ở Việt Nam:

Việt Nam đã sớm tham gia vào tiến trình chung của thế giới trong việc xây dựng Chương trình Nghị sự 21.

- Năm 1992, đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam tham dự Hội nghị thượng đỉnh thế giới về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro (Braxin), đã kí Tuyên bố chung của thế giới về môi trường và phát triển, Chương trình Nghị sự 21 toàn cầu, cam kết xây dựng Chiến lược phát triển bền vững quốc gia và Chương trình Nghị sự 21 địa phương.
- Năm 2004, Việt Nam đã phê chuẩn Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường thời kì đến 2010 và định hướng đến 2020. Việt Nam cũng đã tham gia nhiều cam kết quốc tế nhằm bảo vệ môi trường và phát triển xã hội.
- Việt Nam cam kết thực hiện các mục tiêu thiên niên kỉ của thế giới. Hội đồng Phát triển bền vững Quốc gia cũng đã được thành lập theo Quyết định số 1032/QĐ – TTg ngày 27/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng do Phó Thủ tướng Chính phủ làm chủ tịch, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là phó chủ tịch thường trực. Cơ quan Thường trực giúp việc cho Hội đồng Phát triển bền vững là Văn phòng Phát triển bền vững, đặt tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hoà nhập với cộng đồng quốc tế, trong quá trình đổi mới kinh tế và xã hội, phát triển bền vững, với những nội hàm phát triển toàn diện và có hiệu quả về kinh tế, đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, luôn luôn là mục tiêu phát triển trong từng thời kì kế hoạch của đất nước.
- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã thông qua mục tiêu chiến lược 10 năm (2001 – 2010), mà nội dung tập trung vào những nhân tố phát triển bền vững: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu

hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành và cơ bản. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”.

Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc đã đề ra và thực hiện cam kết quốc tế về phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam). Đây là chiến lược khung, bao gồm những định hướng lớn, làm cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện và phối hợp hành động, nhằm bảo đảm phát triển bền vững đất nước trong thế kỷ XXI. Định hướng chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam nêu lên những thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt, đề xuất những chủ trương, chính sách, công cụ pháp luật và những lĩnh vực hoạt động ưu tiên để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Với những định hướng chiến lược phát triển dài hạn, văn bản Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam sẽ thường xuyên được xem xét, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, cập nhật những kiến thức và nhận thức mới nhằm hoàn thiện hơn về con đường phát triển bền vững ở Việt Nam.

Năm 2002, tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững nhóm họp tại Johannesburg, Nam Phi, Việt Nam cũng đã cam kết và bắt tay vào hành động với Dự án VIE/01/021 "Hỗ trợ xây dựng và thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam" bắt đầu vào tháng 11/2001 và kết thúc vào tháng 12/2005 nhằm tạo tiền đề cho việc thực hiện VietnamAgenda 21.

- Ngày 17/8/2004, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam).
- Ngày 12/4, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 432/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 với quan điểm, mục tiêu chỉ đạo như sau:
 - + Quan điểm chỉ đạo:
 - Con người là trung tâm của phát triển bền vững. Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững; đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, xã

hội dân chủ, công bằng, văn minh; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế để phát triển bền vững đất nước.

- Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.
- Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân.
- Tạo lập điều kiện để mọi người, mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển; được tiếp cận những nguồn lực chung; được tham gia, đóng góp và hưởng lợi; tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hoá tốt đẹp cho những thế hệ mai sau. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là loại tài nguyên không thể tái tạo; gìn giữ và cải thiện môi trường sống; xây dựng xã hội học tập; xây dựng lối sống thân thiện môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho phát triển bền vững đất nước. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.

+ Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị – xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.
- Các mục tiêu cụ thể:
 - ✓ Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các cân đối lớn; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính, chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hoà giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực.
 - ✓ Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển quan trọng. Giữ vững ổn định chính trị – xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo, phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Tóm lại:

- Phát triển bền vững không chỉ đơn thuần được hiểu là sự phát triển được duy trì một cách liên tục mà hơn thế, phát triển là sự nỗ lực liên tục nhằm đạt được trạng thái bền vững trên mọi lĩnh vực. Phát triển bền vững là một quá trình duy trì sự cân bằng cơ học của con người với tính công bằng, sự phồn vinh, chất lượng cuộc sống và tính bền vững của môi trường tự nhiên.
- Phát triển bền vững bao gồm ba thành phần cơ bản: môi trường bền vững, xã hội bền vững, kinh tế bền vững:
 - + Khía cạnh môi trường trong phát triển bền vững đòi hỏi phải duy trì sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường tự nhiên với sự khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ lợi ích con người; duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn cho phép; tiếp tục hỗ trợ điều kiện sống cho con người và các sinh vật sống trên Trái Đất
 - + Khía cạnh xã hội của phát triển bền vững cần được tập trung vào sự phát triển sự công bằng xã hội, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực phát triển con người và cố gắng cho tất cả mọi người cơ hội phát triển tiềm năng bản thân và có điều kiện sống chấp nhận được.
 - + Yếu tố kinh tế đóng một vai trò không thể thiếu trong phát triển bền vững. Nó đòi hỏi sự phát triển hệ thống kinh tế được sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bình đẳng; khẳng định sự tồn tại cũng như phát triển của bất cứ ngành kinh doanh, sản xuất nào cũng được dựa trên những nguyên tắc đạo lý cơ bản. Yếu tố được chú trọng ở đây là tạo ra sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, không chỉ tập trung mang lại lợi nhuận cho một số ít; không được làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của hệ sinh thái cũng như không xâm phạm những quyền cơ bản của con người.

Nội dung 2

GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động: Tìm hiểu giáo dục vì sự phát triển bền vững.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Giáo dục có vai trò như thế nào trong phát triển bền vững?

- 2) Giáo dục vì sự phát triển bền vững đem lại lợi ích gì cho người dạy và người học?

3) Giáo dục vì sự phát triển bền vững khác gì với giáo dục thông thường?

4) Ở Việt Nam đã có những chương trình và hoạt động giáo dục vì sự phát triển bền vững nào?

Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện các nội dung trên.

2. Thông tin phản hồi

2.1. Giáo dục và phát triển bền vững

Giáo dục là một nguồn sức mạnh cho tương lai. Giáo dục đóng vai trò chủ đạo thúc đẩy sự phát triển của mỗi quốc gia, đáp ứng những nhu cầu và nguyện vọng trong xã hội. Trong khi mối quan hệ giữa giáo dục và sự

phát triển bền vững còn trù tượng, thì giáo dục chính là chìa khoá khai thông tiềm năng của một quốc gia để phát triển và đạt được sự bền vững. Đặc biệt khi giáo dục trực tiếp giúp cải thiện năng suất nông nghiệp, cung cấp kĩ năng làm việc cho những ngành công nghiệp mới, cải thiện vị thế của phụ nữ trong xã hội, nó sẽ thúc đẩy nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xây dựng năng lực cho việc ra quyết định đúng đắn và phù hợp với đạo đức và nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người.

Giáo dục có thể đảm bảo rằng mọi công dân, từ trẻ em đến người già, có kiến thức về những thay đổi cần thiết, có khả năng xây dựng tầm nhìn về tương lai, có cam kết thực hiện dân chủ, có các kĩ năng cần thiết và có động lực để hành động tích cực nhằm tạo ra thay đổi. Đó chính là giáo dục vì sự phát triển bền vững.

Giáo dục có vai trò quan trọng trong việc giúp người học hình thành hành vi và thái độ cần thiết cho phát triển bền vững, đồng thời có được năng lực và hành động cụ thể vì một xã hội bền vững cả về kinh tế, môi trường hoá; một lối sống hài hoà với việc sử dụng bền vững và công bằng các nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên cũng như chuẩn bị cho cá nhân đối phó với những khó khăn và thách thức, tăng cường khả năng thích nghi. Giáo dục còn dạy cho người học biết tôn trọng và bảo vệ môi trường, chấp nhận các phương thức sản xuất và các kiểu tiêu dùng lành mạnh, hài hoà giữa các nhu cầu cơ bản trực tiếp với các quyền lợi dài hạn.

Giáo dục giúp người học hiểu được bản thân mình và những người khác, hiểu được sợi dây gắn kết giữa con người với môi trường tự nhiên – xã hội rộng lớn, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển.

Giáo dục vì phát triển bền vững “mở ra cho tất cả mọi người cơ hội giáo dục, cho phép họ tiếp thu được các tri thức và giá trị cũng như học được các phương pháp hành động và phong cách sống cần thiết cho một tương lai bền vững và sự thay đổi xã hội một cách tích cực” (UNESCO, 2005).

2.2. Định hướng lại giáo dục vì một tương lai bền vững

Trước những khó khăn trong tìm kiếm lối thoát thay thế cho sự phát triển hiện nay, ông Jacques Delors – Chủ tịch Ủy ban Giáo dục trong thế kỉ XXI của UNESCO đã chỉ rõ các vai trò khác nhau của giáo dục. Ông đặt câu hỏi: “Tại sao những thách thức to lớn này không trở thành mối quan tâm trong các chính sách giáo dục?” “Điều cần thiết ở đây là

tất cả mọi người cần có trách nhiệm quan tâm tới cả mục đích và công cụ giáo dục... để xây dựng những phương thức mà nhờ đó các chính sách giáo dục có thể góp phần cải tạo thế giới tốt đẹp hơn, đóng góp vào quá trình phát triển con người bền vững, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và thực thi dân chủ.

Nếu thành công, giáo dục sẽ trở thành trung tâm của sự phát triển cá nhân, cộng đồng và dân tộc. Giáo dục hỗ trợ giới trẻ phát triển năng lực; trở nên có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân; quan tâm đến gia đình, bạn bè, những người xung quanh; làm việc hiệu quả và bền vững; đóng góp các lợi ích xã hội, văn hoá và cộng đồng; giảm thiểu các tác động tiêu cực từ lối sống cá nhân; phối hợp với những người khác để trở thành những công dân tích cực, có trách nhiệm với địa phương, đất nước và toàn cầu.

Với tất cả các nội dung đó, các chuyên gia giáo dục đưa ra 5 trụ cột chính của giáo dục là:

- Học để biết: có kiến thức, giá trị và những kĩ năng để hiểu biết và tìm kiếm tri thức và kinh nghiệm.
- Học để làm: có kiến thức, giá trị và những kĩ năng để chủ động tham gia vào công việc sản xuất và giải trí.
- Học để chung sống: có kiến thức, giá trị và những kĩ năng cho hoà bình cho hợp tác cộng đồng giữa các nền văn hoá trên thế giới.
- Học để tồn tại: có kiến thức, giá trị và những kĩ năng để có được hạnh phúc cá nhân và gia đình.
- Học để thay đổi bản thân, thay đổi xã hội: có kiến thức, giá trị và những kĩ năng để tự đánh giá bản thân trở thành công dân tích cực

Những ý tưởng giáo dục vì sự phát triển bền vững ban đầu được thể hiện trong Chương 36 của Chương trình Nghị sự 21 với tên gọi *“Tăng cường giáo dục, đào tạo và nhận thức của cộng đồng”*. Chương này chỉ ra vai trò của giáo dục trong quá trình tìm kiếm một cách thức phát triển theo hướng tôn trọng và bảo vệ môi trường tự nhiên, chú trọng tầm quan trọng của công tác định hướng và định hướng lại giáo dục nhằm tôn vinh các giá trị và hành vi tôn trọng môi trường; đồng thời vạch ra đường lối thực hiện công tác đó.

Thập kỷ Giáo dục vì phát triển bền vững 2005 – 2014 được Liên hợp quốc chính thức phát động tháng 3/2005 theo Nghị quyết 57/254 của Đại Hội đồng thông qua ngày 20/12/2002. Cam kết quốc tế lần này đặt giáo dục

vào trung tâm, coi đó vừa là nền tảng, vừa là phương thức hữu hiệu để triển khai các cam kết phát triển bền vững. Liên hợp quốc cũng đã chỉ định UNESCO là cơ quan chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động của Thập kỉ và xây dựng một kế hoạch triển khai toàn cầu.

Mục đích chung của Thập kỉ là thúc đẩy giáo dục với vai trò là nền tảng cho một xã hội bền vững hơn và lồng ghép nội dung của phát triển bền vững vào hệ thống giáo dục ở tất cả các cấp nhằm khuyến khích sự thay đổi trong cách ứng xử để có được một tương lai bền vững cho tất cả mọi người. Mục đích của Thập kỉ này không chỉ là quá trình hình thành và tăng cường nhận thức về phát triển bền vững cho mọi người mà còn là cả quá trình biến đổi những nhận thức đó thành hành động cụ thể vì một cuộc sống bền vững cả về kinh tế, môi trường và xã hội.

2.3. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

Giáo dục vì phát triển bền vững là một quan điểm giáo dục nhằm tăng cường trách nhiệm của mọi người để tạo ra một tương lai bền vững. Giáo dục vì phát triển bền vững là dành cho mọi người, ở tất cả các lĩnh vực cuộc sống và trong mọi hoàn cảnh giáo dục. Giáo dục vì phát triển bền vững liên kết sự tham gia của nhiều thành phần và các đối tác liên quan bao gồm cả các cơ quan truyền thông, các thành phần tư nhân, áp dụng tất cả hình thái và phương pháp nâng cao nhận thức cộng đồng, giáo dục và đào tạo nhằm tăng cường một sự hiểu biết sâu sắc và rộng lớn hơn về phát triển bền vững.

“Mục tiêu cuối cùng của Thập kỉ đó là giáo dục vì sự phát triển bền vững không chỉ là một khẩu hiệu. Nó phải là một thực tiễn cụ thể đối với tất cả chúng ta – mỗi cá nhân, tổ chức, chính phủ – trong tất cả các quyết định và hành động hàng ngày của chúng ta, với mục đích hứa hẹn một hành tinh bền vững và một thế giới an bình hơn cho con cái của chúng ta, cháu chắt của chúng ta và những thế hệ kế cận sau này. Các nguyên tắc của phát triển bền vững phải có mặt trong trường học của trẻ em, trong giáo dục đại học và sau đại học, trong giáo dục không chính quy và trong các hoạt động học tập dựa vào cộng đồng. Điều này có nghĩa là giáo dục sẽ phải thay đổi để có thể nêu lên và giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường mà chúng ta đang đối mặt trong thế kỉ XXI”.

(Trích phát biểu của Koïchiro Matsuura, Tổng Giám đốc UNESCO trong lễ phát động Thập kỉ Giáo dục vì sự phát triển bền vững tại New York ngày 1/3/2005).

Để đạt được những mục tiêu này, giáo dục vì sự phát triển bền vững phải "... kết hợp một số lĩnh vực như giáo dục về môi trường, giáo dục toàn cầu, giáo dục kinh tế, giáo dục phát triển, giáo dục đa dạng văn hoá, giáo dục bảo tồn, giáo dục ngoài trời, giáo dục về sự thay đổi toàn cầu và các lĩnh vực khác. Giáo dục vì sự phát triển bền vững có phạm vi rất rộng và bao hàm nhiều khía cạnh các lĩnh vực đã được hình thành và rất bổ ích trên. Giáo dục vì sự phát triển bền vững hàm chứa nhiều nội dung từ các môn học truyền thống như giáo dục công dân, khoa học, địa lí và các môn khác". (Nguồn: Second Nature)

Giáo viên và nhà trường có đóng góp đặc biệt cho giáo dục vì sự phát triển bền vững, đẩy mạnh các mục tiêu giáo dục thông qua việc lựa chọn các nội dung và phương pháp để dạy học sinh. Nội dung lựa chọn để dạy sẽ ảnh hưởng đến kiến thức được tiếp thu của học sinh. Các phương pháp dạy – học sẽ quyết định sẽ phát triển các kĩ năng và thái độ của học sinh.

Tóm lại: Giáo dục vì sự phát triển bền vững là quá trình học tập suốt đời hướng tới việc công dân có kiến thức và trách nhiệm, có khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có hiểu biết về khoa học và xã hội, cam kết thực hiện các hành động cá nhân và hợp tác có trách nhiệm. Những hành động này sẽ đảm bảo một tương lai có kinh tế thịnh vượng và môi trường trong lành. Giáo dục vì sự phát triển bền vững trở thành một công cụ để kết nối tốt hơn giữa trường học với doanh nghiệp, giữa nhà trường với cộng đồng.

(Nguồn: *Second Nature – An educational NGO in the USA*)

Giáo dục vì sự phát triển bền vững là một nền giáo dục đẩy mạnh quá trình giải thích và thông hiểu ý nghĩa của phát triển bền vững. Quá trình này khuyến khích người học chủ động cam kết với những mục tiêu bền vững để xây dựng một nếp sống biết cách tiêu dùng các nguồn lực một cách công bằng và lâu bền. Điều này rất khác với khái niệm giáo dục môi trường, vì bất cứ chủ đề nào của cuộc sống cũng có thể trở thành nguồn dẫn để tiến hành giáo dục phát triển bền vững. Trong khi đó, giáo dục môi trường thường bỏ qua sự tích hợp và thống nhất của các hệ thống xã hội và tự nhiên. Vì thế, mục tiêu của giáo dục phát triển bền vững là nâng tư duy và cảm xúc của con người lên một tầm cao mới – tầm mức của tư duy có hệ thống và mang tính hợp tác. "Nghĩ toàn cầu, hành động cục bộ" (*Think Globally, Act Locally*) – Đó chính là chiến lược cho một ý thức và nếp sống vì sự phát triển bền vững. Quá trình giáo dục nếp sống này đòi hỏi mỗi người học là một chuyên gia dự phòng cho tương lai, là một

công dân có trách nhiệm và là một nhân tố tham gia toàn diện vào quá trình sống và phát triển của cộng đồng toàn cầu.

2.4. Chiến lược thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững

- * Chiến lược thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững thể hiện qua tầm nhìn, các mục tiêu và lĩnh vực cơ bản của giáo dục vì sự phát triển bền vững:
 - Tầm nhìn của giáo dục vì phát triển bền vững là hướng tới một thế giới mà ở đó tất cả mọi người đều có cơ hội được hưởng lợi từ giáo dục; học tập và các giá trị, hành vi, cách sống đều tiến tới một tương lai bền vững.
 - Sự chuyển biến này thể hiện ở các mục tiêu:
 - + Tăng cường và nâng cao vai trò trung tâm của giáo dục và học tập trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững;
 - + Xây dựng mạng lưới thúc đẩy các mối liên kết và trao đổi giữa các bên tham gia trong giáo dục vì phát triển bền vững.
 - + Tạo cơ hội môi trường thuận lợi để kiến tạo và thúc đẩy tầm nhìn và bước chuyển tới một sự phát triển bền vững thông qua tất cả các phương thức học tập và nhận thức của cộng đồng.
 - + Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong giáo dục vì phát triển bền vững.
 - + Xây dựng chiến lược hành động ở tất cả các cấp nhằm mục đích tăng cường năng lực giáo dục vì sự phát triển bền vững.
 - Giáo dục vì sự phát triển bền vững thể hiện trên ba lĩnh vực cơ bản:
 - + Về xã hội: Tạo ra một xã hội dân chủ trong đó mọi người được hiểu biết về thể chế xã hội, được biểu lộ quan điểm, lựa chọn những người xứng đáng vào bộ máy chính quyền qua bầu cử.
 - + Về môi trường: Nhận thức được về tài nguyên và tính dễ tổn thương của môi trường thiên nhiên cũng như những tác động của nó lên các hoạt động và các quá trình ra quyết định của con người, với sự cam kết đưa các mối quan tâm môi trường vào trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội.
 - + Về kinh tế: Hiểu rõ về sự tác động của phát triển kinh tế lên môi trường và xã hội, cũng như những vấn đề về xã hội tiêu thụ, sở thích cá nhân liên quan đến những vấn đề môi trường.

Ngoài ra, giáo dục vì phát triển bền vững còn đề cập đến tất cả các lĩnh vực nhân văn, tạo nên một diện mạo mới cho thế giới đang thay đổi.

Trong đó có quyền con người, hoà bình và an ninh nhân loại, công bằng giới, đa dạng văn hoá và sự hiểu biết các nền văn hoá khác nhau, sức khoẻ, HIV/AIDS, lãnh đạo, tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, phát triển nông thôn, đô thị hoá bền vững, phòng ngừa và hạn chế thảm hoạ, giảm đói nghèo, nâng cao trách nhiệm và kinh tế thị trường.

- * Chương 36 của Chương trình Nghị sự 21 đã xác định mũi nhọn của giáo dục vì sự phát triển bền vững là:

- *Định hướng và xây dựng tầm nhìn:*

Xây dựng tầm nhìn nhằm làm cho giáo dục phát triển bền vững có thể đi sâu vào thực tiễn hoạt động của từng địa phương, đồng thời nhằm phát triển một cam kết mang tính toàn cầu và một sự thống nhất trong tính đa dạng. Việc xây dựng tầm nhìn cho giáo dục phát triển bền vững ở tương lai liên quan tới quá trình xây dựng Chương trình Nghị sự 21 cấp địa phương của nhiều quốc gia. Công tác định hướng sẽ diễn ra ở tất cả các cấp và có sự tham gia của tất cả các bên có liên quan. Chính phủ và đoàn thể nhân dân nên duy trì đối thoại lâu dài. Ở cấp địa phương, các trường học và các tổ chức đoàn thể, với vai trò là một phần của giáo dục phát triển bền vững, nên tham gia vận động chính quyền địa phương quan tâm tới những vấn đề cụ thể trong phát triển bền vững.

- *Đóng góp và làm chủ:*

Một thập kỷ mang tính quốc tế mà chúng ta đang sống tạo cơ hội xây dựng và phát triển một động lực toàn cầu trong giáo dục phát triển bền vững. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể làm được nếu các bên có liên quan ở các cấp làm chủ được tầm nhìn của mình. Việc làm chủ này lại cần phải có sự đóng góp và tham gia trong quá trình xây dựng chính sách và lập kế hoạch cho các mục tiêu và hoạt động. Chính phủ có vai trò đặc biệt trong việc triển khai các diễn đàn trao đổi.

- *Liên kết và hợp tác:*

Cần phải có cái nhìn rộng mở, phải nỗ lực xây dựng mối liên hệ giữa các sáng kiến, chương trình, nhóm và mạng lưới trong quá trình định hướng các đối tác tham gia vào Thập kỷ Giáo dục vì phát triển bền vững, để qua đó giáo dục phát triển bền vững sẽ ngày càng được thúc đẩy và tăng cường. Cần phải chú ý đặc biệt tới việc liên kết Chính phủ với mạng lưới các tổ chức đoàn thể xã hội. Vì Chính phủ có vai trò là cơ quan điều phối trung tâm và có các nguồn lực, còn các tổ chức đoàn thể xã hội lại có

những mối liên hệ từ cơ sở mà thông qua đó các thông điệp về thập kỉ giáo dục vì phát triển bền vững có thể được truyền tải xuống từng địa phương.

– *Xây dựng năng lực và đào tạo:*

Sử dụng (hay thiết kế) các phương pháp đào tạo và xây dựng năng lực nhằm cung cấp các kĩ năng có thể ứng dụng vào thực tế là một việc làm rất quan trọng. Các lĩnh vực xây dựng năng lực và đào tạo chủ yếu là truyền thông và nâng cao nhận thức, lập kế hoạch, quản lí và đánh giá, đào tạo và đào tạo lại các cán bộ giáo dục, các công cụ phân tích, tài liệu và nội dung giảng dạy cũng như các phương pháp giảng dạy.

– *Nghiên cứu và đổi mới:*

Nghiên cứu là nền tảng của quá trình nhận thức những vấn đề mà giáo dục phát triển bền vững cần phải giải quyết. Nó còn là nền tảng của quá trình thu thập thông tin để đánh giá và là nền tảng của quá trình tìm kiếm những giải pháp tiến bộ. Nghiên cứu sẽ chủ yếu tập trung vào các vấn đề: nghiên cứu dữ liệu cơ bản để thiết lập những chỉ số đánh giá Thập kỉ Giáo dục vì phát triển bền vững; khám phá bản chất và những phương pháp giáo dục phát triển bền vững cụ thể, những mối liên hệ về khái niệm và thực tiễn của giáo dục phát triển bền vững với các phương diện học tập, với những phương pháp can thiệp khác trong phát triển; những nghiên cứu lâu dài trong đó nêu và phân tích mức độ tác động của giáo dục phát triển bền vững đối với đời sống của cá nhân, cộng đồng và chính sách, thể chế của quốc gia; cơ cấu lại tổ chức, phương thức hợp tác và phương pháp tiếp cận quản lí trong giáo dục phát triển bền vững với trọng tâm là xác định và phổ biến những kinh nghiệm hay.

– *Công nghệ truyền thông và thông tin:*

Công nghệ truyền thông và thông tin là huyết mạch của bất kì một phong trào hay hoạt động quốc tế nào. Nó đóng vai trò là phương tiện liên kết các đối tác ở cách xa nhau, lưu trữ dữ liệu, chia sẻ thông tin rất nhanh và hữu hiệu, đồng thời cũng là một phương tiện quản lí một cơ quan hỗ trợ quy mô lớn. Tuy nhiên, công nghệ truyền thông và thông tin vẫn chưa được mọi người tiếp cận một cách rộng rãi. Chi phí, cơ sở hạ tầng, việc cung cấp năng lượng và kết nối liên lạc là tất cả những nhân tố có thể ảnh hưởng tới việc liên kết các thiết bị kĩ thuật số. Trong khi chờ đợi con người nghiên cứu những cách thức tiên tiến để làm cho công nghệ thông tin được tiếp cận rộng rãi thì ở nhiều nơi, những công nghệ cũ vẫn sẽ tiếp tục được sử dụng.

- *Theo dõi và đánh giá:*

Theo dõi và đánh giá sẽ trở thành một chiến lược chủ chốt nhằm đảm bảo những thay đổi, những vấn đề khác biệt và tác động của Thập kỉ này.

2.5. Những ảnh hưởng của giáo dục phát triển bền vững đối với sự phát triển kinh tế, xã hội

* Về xã hội:

- Đối với đa dạng văn hoá: Có nhiều cơ hội để giáo dục và phát triển nguồn nhân lực bền vững cùng kết hợp với nhau như xây dựng lòng khoan dung, hiểu biết đa văn hoá, giáo dục vì hoà bình, xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa người dạy với người học, đồng thời chú trọng đến những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp.
- Đối với hoà bình và an ninh: Giáo dục phát triển bền vững giúp con người học cách cùng chung sống và giải quyết các xung đột, tranh chấp; xây dựng tinh thần trách nhiệm công dân để cùng chính quyền xử lí các vấn đề phức tạp trong cuộc sống.
- Ảnh hưởng đối với bình đẳng giới: Các hoạt động giáo dục có tính chất thúc đẩy bình đẳng giới là giám thành kiến, tăng cơ hội tiếp cận với giáo dục và việc làm để đảm bảo tương lai tốt đẹp và bền vững hơn cũng như giúp nữ giới tham gia tích cực hơn vào các hoạt động để khẳng định vai trò và vị thế quan trọng trong đời sống xã hội.
- Ảnh hưởng đối với sức khoẻ: Phát triển, môi trường và sức khoẻ có quan hệ mật thiết với nhau trong một chu trình có tác động lẫn nhau. Giáo dục tạo ra môi trường học đường an toàn và lành mạnh, góp phần nâng cao sức khoẻ cho người học cũng như cộng đồng.

* Về môi trường:

Giáo dục giúp cho mọi người hiểu rõ các vấn đề chính về môi trường bao gồm: tài nguyên nước, thay đổi khí hậu, đa dạng sinh học, phòng ngừa và giảm thiểu thảm hoạ đều có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Từ đó giúp cho tất cả mọi người đều ý thức có ý thức gìn giữ tài nguyên thiên nhiên.

* Về kinh tế:

- Đối với phát triển nông thôn: Phát triển nông thôn cần giải quyết nhiều vấn đề như đói nghèo, di dân ra thành thị, thất học, chênh lệch trình độ giáo dục, kĩ năng cải thiện mức sống và chất lượng cuộc sống, trong đó giáo dục được sử dụng làm phương tiện để đảm bảo phát triển bền vững tại vùng nông thôn.

- Đối với đô thị hoá bền vững: Thay đổi kinh tế – xã hội dẫn đến rất nhiều vấn đề cho các thành phố, cả ở mặt tích cực và mặt tiêu cực. Giáo dục cần giúp mọi người cùng hiểu và xây dựng ý thức công dân trong thời đại toàn cầu hoá.
- Đối với tiêu dùng bền vững: Giáo dục phát triển bền vững xây dựng lối sống và phong cách làm việc bền vững, giảm thiểu gây ô nhiễm và rác thải. Đề cập đến phong cách và lối sống này nhằm tạo ra người công dân có trách nhiệm đối với sự phát triển của xã hội.

Nội dung 3

TÍCH HỢP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DẠY HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu việc tích hợp phát triển bền vững vào dạy và học.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy đọc thông tin và kết hợp với sự hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Có những cách nào để dạy và học về phát triển bền vững?

2) Giáo viên cần có những kiến thức và kĩ năng nào để thúc đẩy giáo dục vì sự phát triển bền vững?

3) Nhà trường, giáo viên và học sinh có thể tạo ra những thay đổi gì để đóng góp vào sự phát triển bền vững từ phạm vi cá nhân, lớp học, trường học tới cộng đồng địa phương?

2. Thông tin phản hồi

2.1. Các cách thức lồng ghép giáo dục vì sự phát triển bền vững vào dạy và học

- * Giáo dục phát triển bền vững không phải là một môn học chỉ cần thêm vào khung chương trình giảng dạy mà giáo dục phát triển bền vững là một khía cạnh cần được nhấn mạnh trong mọi lĩnh vực của học đường.

Thông thường, khái niệm phát triển bền vững vẫn còn khá mơ hồ và xa lạ với thực tế. Trong khi đó, một trong các đặc điểm chính của giáo dục vì phát triển bền vững là “học tập qua trải nghiệm thực tế” và khuyến khích mọi người tự đưa ra các quyết định trong cuộc sống để xây dựng một tương lai bền vững cho cá nhân, gia đình, cộng đồng có tính đến những lợi ích lâu dài về kinh tế, sinh thái, xã hội và văn hoá.

- * Giáo dục vì phát triển bền vững thể hiện mối quan tâm của giáo dục chất lượng cao, bao gồm:
 - Liên ngành, liên môn: Những nguyên lý và kiến thức về phát triển bền vững được thể hiện trong chương trình, sách giáo khoa của các môn học tự nhiên, xã hội và nghệ thuật chứ không hình thành một môn học riêng về phát triển bền vững.
 - Thể hiện giá trị: Chia sẻ các giá trị và nguyên lý phát triển bền vững.
 - Tư duy sáng tạo và giải quyết tình huống có vấn đề: Tạo niềm tin trước những khó khăn và thách thức của phát triển bền vững.
 - Quyết định có sự tham gia: Người học được tham gia và được học tập trong quá trình ra quyết định.

- Đa dạng phương pháp: Sử dụng nhiều phương pháp như ngôn ngữ, nghệ thuật, kịch, tranh luận, trao đổi kinh nghiệm... các phương pháp sư phạm khác nhau cho mô hình hoá các quá trình.
- Khả năng áp dụng: Học tập kinh nghiệm được tích hợp trong cuộc sống hằng ngày, trong cuộc sống của mỗi con người, mỗi hoạt động nghề nghiệp.
- Thích hợp với địa phương: Đáp ứng những vấn đề của từng địa phương, sử dụng những ngôn ngữ mà họ thường xuyên sử dụng.
- * Mặc dù có nhiều yếu tố vượt quá khả năng và nguồn lực của nhà trường hay một giáo viên, nhưng có nhiều việc mà nhà trường và giáo viên có thể làm được, bao gồm các hoạt động như sau:
- Dạy và học liên ngành, liên môn:

Để học tập có ý nghĩa đòi hỏi học sinh phải tổng hợp từ nhiều góc nhìn khác nhau hơn là chia phần những gì học được thành các “hộp” kiến thức rời rạc. Vì thế, giáo viên cần linh hoạt và có kỹ năng tiếp cận và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn và chuyên ngành khác nhau.

Để giải quyết các vấn đề xã hội, đòi hỏi có thông tin đầu vào từ nhiều môn học hoặc chuyên ngành. Giống như việc bên ngoài lớp học, nhiều chuyên gia cần làm việc chung với nhau để giải quyết các vấn đề trên thế giới thì trong lớp học, các môn học cũng không nên bị tách rời một cách không cần thiết.

Giáo viên có thể tập trung vào việc dạy và học có tính liên ngành trong chính lớp học (Ví dụ thông qua việc chọn các chủ đề và ví dụ dạy học). Tuy nhiên, các giáo viên cần phối hợp và hợp tác với nhau để giúp học sinh có cơ hội tổng hợp kiến thức xuyên suốt các môn học và các năm học.

Giáo viên có thể ví dụ việc giảng dạy liên ngành về một lớp học tìm hiểu về vấn đề giao thông tại địa phương.

- Lồng ghép thông qua các mục tiêu giáo dục:

Chương trình học quá tải là nỗi lo của rất nhiều giáo viên. Ngày càng, giáo viên càng cảm thấy không có đủ thời gian để giảng dạy hết được tất cả các tài liệu đang được bổ sung vào khung chương trình. Vì thế, rất nhiều giáo viên cảm thấy phải ưu tiên các môn chính như là Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá... trong chương trình học hơn là những môn có tính liên ngành như Giáo dục vì sự phát triển bền vững.

Tuy nhiên, có thể nhìn nhận vấn đề này theo một cách khác. Các mục tiêu giáo dục, đặc biệt ở mục tiêu về thái độ và kỹ năng là như nhau ở hầu

hết các môn học trong chương trình. Giảng dạy về sự bền vững nhấn mạnh vào các kĩ năng như tư duy sáng tạo và phản biện, giải quyết vấn đề, ra quyết định, phân tích, hợp tác, lãnh đạo và giao tiếp. Vì thế, đó là cách rất tốt để đạt được các mục tiêu giáo dục mà không gặp phải vấn đề quá tải chương trình.

Sau đây là những ví dụ về các mục tiêu xuyên suốt chương trình giảng dạy mà giáo dục phát triển bền vững có thể đáp ứng:

- + Thái độ và giá trị:
 - Quan tâm đến cộng đồng.
 - Tôn trọng niềm tin và ý kiến của người khác.
 - Tôn trọng những dẫn chứng và lập luận hợp lí.
 - Khoan dung và rộng mở.
- + Kĩ năng:
 - Kĩ năng giao tiếp. Ví dụ, diễn đạt quan điểm qua nhiều phương tiện khác nhau và tranh luận rõ ràng, chính xác.
 - Kĩ năng tính toán. Ví dụ, thu thập, phân loại và phân tích dữ liệu, và giải thích số liệu thống kê.
 - Kĩ năng học tập. Ví dụ, tìm kiếm, phân tích, giải thích và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn, và tổng hợp và lập kế hoạch dự án.
 - Kĩ năng giải quyết vấn đề. Ví dụ, xác định được nguyên nhân và hậu quả của vấn đề, hình thành các ý kiến hợp lí và phát triển những đánh giá khách quan.
 - Kĩ năng cá nhân và xã hội. Ví dụ, làm việc hợp tác với người khác, có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể.
 - Kĩ năng về công nghệ thông tin. Ví dụ, thu thập thông tin và điền vào cơ sở dữ liệu; thúc đẩy việc tìm kiếm bằng cách sử dụng công nghệ thông tin.
- Lồng ghép thông qua các hoạt động học tập ở tất cả các môn học:

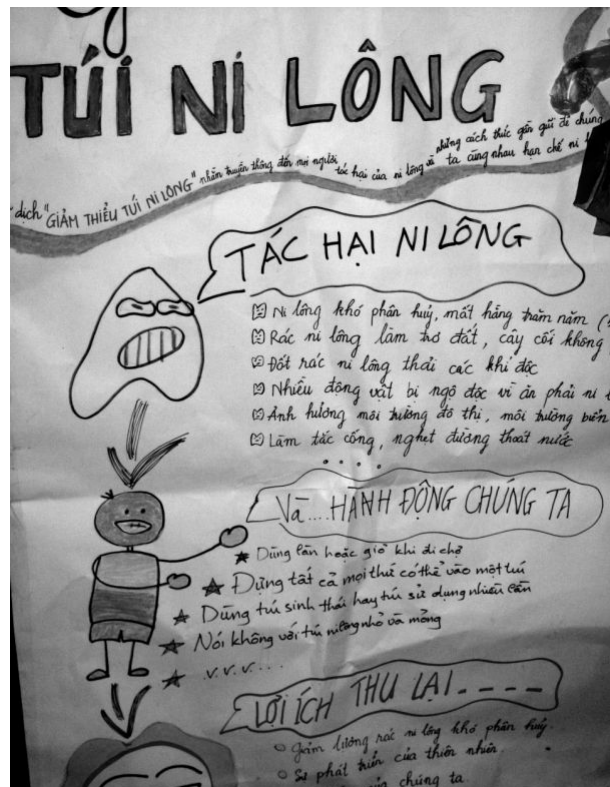
Giáo dục phát triển bền vững nên được lồng ghép trong toàn bộ chương trình học ở trường, với mọi môn học.

Một số môn học với đặc thù nội dung có nhiều cơ hội lồng ghép hơn những môn khác, nhưng tất cả các môn học đều có thể lồng ghép ở một khía cạnh nào đó. Sau đây là ví dụ một số đề toán tích hợp trong dạy về giáo dục biến đổi khí hậu:

Đề số 1:

Nếu mẹ em có thói quen xách làn đi chợ thay vì đựng thực phẩm trong các túi ni lông thì trung bình 1 ngày sẽ bớt được 11 túi ni lông bị sử dụng. Hỏi trong 1 tháng, 1 năm nếu mẹ em có thói quen này thì sẽ bớt được bao nhiêu túi ni lông thải ra môi trường? Hãy tính toán nếu trong một khu phố có 1.200 người dân có thói quen tốt này thì một năm sẽ bớt được bao nhiêu kg túi ni lông thải ra môi trường, nếu biết rằng cứ trung bình 1500 túi bằng 1kg túi ni lông.

- + Mục đích: Giúp học sinh hiểu và tính toán để thấy được là từ một thói quen rất nhỏ của các thành viên gia đình trong nếp sống sinh hoạt hằng ngày sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến môi trường. Từ đó, học sinh có ý thức nhắc nhở các thành viên trong gia đình sống thân thiện với môi trường.
- + Hoạt động củng cố: Học sinh thực hiện theo nhóm: quan sát ở một số chợ, theo dõi thói quen của người đi chợ tại các chợ và hỏi xem, mỗi ngày, nếu các bà, các chị đi chợ mà sử dụng túi ni lông thì trung bình họ thường sử dụng hết khoảng bao nhiêu túi? Có bao nhiêu người đi chợ có thói quen sử dụng làn để hạn chế túi ni lông?





Ảnh trưng bày của mạng lưới – thế hệ xanh

Đề số 2:

Hãy cùng các bạn quan sát khoảng 15 người dân ở mỗi chợ trong 3 khu vực chợ ở gần nhà em và tính toán để tìm hiểu:

- Trung bình số túi ni lông 1 người sử dụng trên từng chợ và trên 3 chợ.
- Vẽ sơ đồ minh họa các kết quả trên theo biểu đồ hình cột (so sánh mức độ trung bình người dân sử dụng giữa các chợ và so sánh giữa các ngày trong tuần).
- + **Mục đích:** Giúp học sinh hiểu và tính toán được từ một thói quen rất nhỏ của người dân về sử dụng túi ni lông.
- + **Hoạt động củng cố:** Học sinh phỏng vấn về cách sử dụng các loại vật dụng và cách thức khác thay thế túi ni lông.

Đề số 3:

Hãy cùng phỏng vấn về cách sử dụng các vật dụng khác thay thế túi ni lông: Đánh giá về mức độ phù hợp của các loại đồ dùng và sử dụng câu hỏi điều tra về nguyên nhân không hạn chế sử dụng túi ni lông ở người đi chợ.

- Tính tỉ lệ % các câu hỏi về vật dụng phù hợp thay thế túi ni lông.
- Tính tỉ lệ % người nội trợ trả lời về những lí do chưa hạn chế thói quen sử dụng túi ni lông.
- + *Mục đích:* Giúp học sinh hiểu và tính toán được cách thức sử dụng thay thế túi ni lông.
- + *Hoạt động củng cố:* Học sinh phỏng vấn về cách sử dụng các đồ dùng các loại vật dụng và cách thức khác thay thế túi ni lông.

Hoạt động trên có thể minh họa rằng giáo viên có thể tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong rất nhiều môn học: Nghiên cứu nông nghiệp, Kinh tế gia đình. Các môn Nghệ thuật, Toán, Thương mại và Kinh doanh, Thủ công và Công nghệ, Tiếng mẹ đẻ, Giáo dục tôn giáo, Ngoại ngữ, Khoa học, Giáo dục Sức khỏe và Thể chất, Nghiên cứu xã hội.

Tích hợp thông qua các ngày lễ trong năm học:

Có rất nhiều ngày quan trọng trong một năm của thế giới, quốc gia và địa phương là dịp để kỉ niệm và ghi nhớ các chủ đề đặc biệt. Đây là cơ hội để giáo dục vì tương lai bền vững. Lên lịch tổ chức các ngày lễ này trong năm học là một cách hiệu quả để thúc đẩy sự quan tâm về một tương lai bền vững.

Ngày lễ quốc tế	Ngày lễ Việt Nam
– Ngày 2/2: Ngày Đất ngập nước Thế giới. – Ngày 22/3: Ngày Nước Thế giới. – Ngày 23/3: Ngày Khí tượng học Thế giới. – Ngày 7/4: Ngày Sức khỏe Thế giới. – Ngày 22/4: Ngày Trái Đất. – Ngày 1/5: Ngày Lao Động Thế giới. – Ngày 15/5: Ngày Gia đình Quốc tế. – Ngày 18/5: Ngày Bảo tàng Quốc tế. – Ngày 22/5: Ngày quốc tế Đa dạng sinh học. – Ngày 1/6: Quốc tế Thiếu nhi. – Ngày 5/6: Ngày Môi trường Thế giới – Ngày 17/6: Ngày Thế giới chống Sa	– Ngày 9/1: Ngày Sinh viên, Học sinh Việt Nam. – Ngày 3/2: Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. – Ngày 27/2: Ngày Thầy thuốc Việt Nam. – Ngày 8/3: Quốc tế Phụ nữ. – Ngày 26/3: Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. – Ngày 15/5: Ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. – Ngày 19/5: Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. – Ngày 27/7: Ngày Thương binh Liệt sĩ.

Ngày lễ quốc tế	Ngày lễ Việt Nam
mạc hoá. – Ngày 11/6: Ngày Dân số Thế giới. – Ngày 9/8: Ngày Quốc tế về người bản địa. – Ngày 8/9: Ngày Quốc tế xoá mù chữ. - Ngày 16/9: Ngày Quốc tế về bảo vệ tầng Ozone. – Ngày 17 – 19/9: Ngày làm sạch thế giới. – Ngày 21/9: Ngày Quốc tế vì Hoà bình. – Ngày 5/10: Ngày Giáo viên thế giới. – Ngày 16/10: Ngày Lương thực thế giới. – Ngày 24 – 30/10: Tuần lễ Giải trừ quân bị và Phát triển. – Ngày 20/11: Ngày trẻ em quốc tế. – Ngày 10/12: Ngày quyền con người.	– Ngày 19/8; Ngày Cách mạng/Tám thành công. – Ngày 2/9: Ngày Quốc khánh Việt Nam. – Ngày 10/10: Ngày Giải phóng Thủ đô (Hà Nội). – Ngày 20/10: Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. – Ngày 20/11: Ngày Nhà giáo Việt Nam. – Ngày 22/12: Ngày Hội quốc phòng toàn dân. Và các ngày lễ theo lịch âm lịch và các sự kiện tại địa phương: 10 tháng 3: Giỗ Tổ Hùng Vương...

2.2. Quá trình thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững trong trường học

Giáo dục phát triển bền vững liên quan đến toàn bộ chương trình giảng dạy và việc quản lý tại một nhà trường. Cần đảm bảo cả hai chương trình giảng dạy chính thức và không chính thức có thể kết hợp với nhau để thúc đẩy và hình thành nên nguyên tắc giáo dục phát triển bền vững.

Việc này đòi hỏi việc lên kế hoạch cẩn thận cho các chính sách quy định trong trường học và sự phân chia rõ ràng trách nhiệm của mọi cán bộ. Trong hoạt động này, bạn sẽ tìm hiểu 3 giai đoạn để một trường học trở thành “trường học bền vững” theo Cơ quan Chất lượng Giáo dục và Chương trình giảng dạy của Anh (The Qualification and Curriculum Authority).

- Giai đoạn 1: Nhà trường bắt đầu phát triển giáo dục phát triển bền vững: Ở giai đoạn này, trường học có thể phải tiến hành một hoặc hai dự án liên quan đến sự bền vững và đưa vào vài phần của chương trình giảng dạy chính thức. Tuy vậy, trường học cần phải:

- + Xem giáo dục phát triển bền vững như là một phần của kế hoạch toàn trường.
- + Xây dựng chính sách giáo dục phát triển bền vững.
- + Bổ nhiệm một cán bộ chịu trách nhiệm cho giáo dục phát triển bền vững.
- Giai đoạn 2: Trường học đẩy mạnh giáo dục phát triển bền vững: Ở giai đoạn này, trường học cần phải hoàn thành một số dự án liên quan đến sự bền vững và bắt đầu xác định các cơ hội rộng lớn hơn trong chương trình giảng dạy chính thức. Nhà trường có thể hoàn thành một đến hai việc trong danh sách dưới đây:
 - + Đã xem giáo dục phát triển bền vững như là một phần của kế hoạch toàn trường.
 - + Đã xây dựng chính sách giáo dục phát triển bền vững.
 - + Đã bổ nhiệm một cán bộ chịu trách nhiệm cho giáo dục phát triển bền vững.
- Giai đoạn 3: Trường học có kinh nghiệm thành công trong giáo dục phát triển bền vững và muốn tiếp tục thực hiện. Ở giai đoạn này, trường học có thể đã thực hiện các việc sau:
 - + Đã xây dựng chính sách giáo dục phát triển bền vững.
 - + Đã bổ nhiệm một cán bộ chịu trách nhiệm cho giáo dục phát triển bền vững.
 - + Đã phát triển các kế hoạch chính thức và có đội hành động cho giáo dục phát triển bền vững.
 - + Đã rà soát đánh giá chương trình giảng dạy cho giáo dục phát triển bền vững và quyết định sẽ tiếp tục hoàn thiện và cập nhật thực tế.

Giáo viên nghiên cứu một số ví dụ về trường học ở các giai đoạn 1, 2 và 3 để thúc đẩy giáo dục phát triển bền vững. Mỗi trường hợp nghiên cứu miêu tả cách một trường học tiếp cận chính sách, quy định và triển khai thực tế việc, giáo dục phát triển bền vững; cách mà trường học đó đã trở thành bền vững; các vấn đề nảy sinh và cách nhà trường đã vượt qua các khó khăn, bài học kinh nghiệm, các kết quả và kế hoạch cho tương lai.

Trong đó, để xây dựng chính sách giáo dục phát triển bền vững, nhà trường có thể đi theo sáu bước sau:

- 1) Lựa chọn có một người phụ trách.
- 2) Công bố dự thảo chính sách.
- 3) Hội đồng chính sách họp, phê duyệt.

- 4) Thực hiện các kế hoạch hành động.
- 5) Tiến hành quá trình rà soát chương trình trường học.
- 6) Đánh giá và rút kinh nghiệm.

Có rất nhiều nguồn lực và tài liệu hỗ trợ cho giáo dục phát triển bền vững từ các tổ chức quốc tế như UNESCO, các hiệp hội giáo viên và các chính sách, thông tin hỗ trợ từ các bộ và cơ quan giáo dục ở cấp quốc gia và địa phương. Tuy nhiên, tất cả những cái cách và thay đổi còn phụ thuộc vào trách nhiệm, kĩ năng và sự nhiệt tình của giáo viên.

2.3. Những tiêu chí xác định một nền giáo dục vì phát triển bền vững

Có nhiều cách xác định tiêu chí giáo dục phát triển bền vững theo các cấp độ và cách tiếp cận khác nhau:

- * Hội đồng Giáo dục Công nghệ và Kinh doanh Anh quốc tiếp cận sử dụng các tiêu chí đánh giá theo kết quả của giáo dục, đó là:
 - Người học có khả năng giải thích được các nguyên tắc của phát triển bền vững: Hiểu biết về việc phát kiến các công nghệ mang chuẩn mực nhân bản và đạo đức, sự công bằng giữa các thế hệ, khả năng gây ô nhiễm phi biên giới, các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo được, những giới hạn của tăng trưởng, chất lượng sống, trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng và các hệ sinh thái của Trái Đất.
 - Người học có khả năng biện minh cho các niềm tin của bản thân về môi trường, vì lợi ích của cá nhân, gia đình, cộng đồng (toàn cầu hay địa phương), và của các chủng loài khác. Tiêu dùng có đạo đức, bảo tồn và bảo vệ môi trường sống là những kết quả giáo dục phải được thể hiện bằng hành động cụ thể.
 - Người học có tôn trọng sự liên đới giữa môi trường toàn cầu và môi trường địa phương. Đề cập đến các chiến lược và chính sách giữa các nền kinh tế, hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia, thương mại công bằng, nhu cầu cộng tác trên bình diện quốc tế và trách nhiệm của địa phương đối với cộng đồng toàn cầu.
 - Người học có khả năng nhận thức những chỉ báo của môi trường cho hành động cá nhân của mình: Người học có thay đổi nhận thức và thái độ đối với tình trạng lãng phí, biết cân nhắc giữa các nhu cầu căn bản và nhu cầu tương đối của cá nhân, khả năng sử dụng những công cụ hỗ trợ cuộc sống một cách hiệu quả nhất và cách thức tiêu dùng khôn ngoan.

- *Người học có khả năng đưa ra quyết định cá nhân để tác động đến môi trường.* Người học phải được trang bị những kĩ năng sống có trách nhiệm, làm việc biết hợp tác và có khả năng nhận định giá trị hay hoạt động phù hợp với chuẩn mực sống vững bền trên mọi khía cạnh của cuộc sống).
- * Tibury (1995) đánh giá các tiêu chí theo tiếp cận tổng thể và tích hợp chương trình dạy học và cho rằng: giáo dục vì sự phát triển bền vững ngoài tiếp cận theo những đặc trưng về giáo dục môi trường như tính phức hợp, tính thích ứng và tính khoan dung, cần chú ý đến tính tổng thể làm triết lí vì con người có mối quan hệ với toàn thể môi trường và những vấn đề về môi trường phải được tiếp cận theo cách tích hợp trong chương trình.
- * UNESCO (1997) cũng đề cao đưa ra các tiêu chí theo cách tiếp cận toàn thể trong giáo dục vì sự phát triển bền vững, mở rộng ra ngoài phạm vi các môn học riêng lẻ và đòi hỏi sự chú ý, quan tâm của giáo viên, các nhà quản lí, các cơ quan xây dựng và thiết kế chương trình giáo dục. Lồng ghép các mục tiêu, khái niệm và những kinh nghiệm học tập của giáo dục vì sự phát triển bền vững vào giáo trình và các chương trình giảng dạy thực sự là một phần quan trọng của cải cách giáo dục. Tiền đề căn bản của giáo dục vì sự bền vững đó là có sự tổng thể và sự phụ thuộc lẫn nhau trong mọi hình thái cuộc sống, vì thế phải có nỗ lực thống nhất và tổng thể để hiểu cuộc sống và đảm bảo sự phát triển liên tục. Điều này đòi hỏi cả nghiên cứu lẫn hành động có tính liên ngành. Có nhiều yếu tố có thể là các tiêu chí đánh giá như sau: dạy và học liên ngành; lồng ghép thông qua các mục tiêu giáo dục; lồng ghép thông qua các hoạt động học tập ở tất cả các môn học
- * Breiting, S và cộng sự (2005) đã xây dựng những tiêu chí đánh giá về giáo dục bền vững theo nhiều yếu tố. Đó là:
 - Chất lượng của quá trình dạy và học, bao gồm:
 - + Cách tiếp cận dạy và học: Trải nghiệm của học sinh, kì vọng của giáo viên, giáo viên kết nối kiến thức dạy học với phát triển bền vững; giáo viên có hướng dẫn học sinh về các tình huống về phát triển bền vững.
 - + Kết quả cụ thể về phát triển bền vững ở trường học và địa phương: Có thay đổi về vật chất và chất lượng trường học liên quan đến phát triển bền vững, học sinh có cơ hội học tập về phát triển bền vững trong quá trình ra quyết định.

- + Quan điểm và tầm nhìn về tương lai: Học sinh được học về tầm nhìn và bối cảnh tương lai; tìm hiểu, so sánh với quá khứ, học cách ra quyết định và ứng phó.
- + Đa dạng văn hoá: Học sinh có cơ hội đánh giá về sinh thái, văn hoá và nhìn nhận vấn đề rộng hơn để thay đổi? học sinh được khuyến khích hiểu biết sâu sắc về văn hoá và thể hiện thái độ, tình cảm đối với các nền văn hoá.
- + Tư duy phê phán: Học sinh được khuyến khích suy nghĩ theo nhiều cách tiếp cận khác nhau, tranh luận về nhiều vấn đề.
- + Phân loại và phát triển các giá trị: Học sinh có phân biệt được kiến thức, hiểu biết thực tế và các quan điểm giá trị; học sinh thảo luận về các giá trị và đưa ra quan điểm của bản thân.
- + Hành động dựa vào quan điểm: Học sinh được tham gia ra quyết định về các hành động và giáo viên tập trung vào kĩ năng hành động và thử nghiệm, phê phán và trách nhiệm.
- + Sự tham gia: Giáo viên tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động phù hợp với độ tuổi và năng lực.
- + Mục tiêu môn học: Giáo viên tìm kiếm những ý tưởng về phát triển bền vững trong mục tiêu các bài học.
- Chính sách và cách tổ chức của trường học, bao gồm:
 - + Kế hoạch và chính sách nhà trường: Trường học có lập kế hoạch, đưa ra hành động tập trung vào vấn đề phát triển bền vững không, tạo điều kiện cho giáo viên nghiên cứu về phát triển bền vững.
 - + Không khí trường học: Lãnh đạo nhà trường đóng vai trò hỗ trợ cho những ý tưởng của giáo viên và học sinh về việc giáo dục vì phát triển bền vững.
 - + Quản lí trường học: Trường học đưa ra những định hướng về giáo dục phát triển bền vững có sự tham gia của toàn thể thành viên.
 - + Phản hồi và đánh giá về giáo dục phát triển bền vững ở cấp trường học (Nhà trường có đưa ra những tiêu chí đánh giá về thực hiện giáo dục phát triển bền vững và sử dụng trong đánh giá nội bộ).
- Mối quan hệ của trường học với hệ thống bên ngoài, bao gồm:
 - + Sự phối hợp với cộng đồng: Trường học coi cộng đồng ở địa phương là nguồn lực trong dạy học.
 - + Mạng lưới và các mối quan hệ về giáo dục vì phát triển bền vững: Trường học có mối quan hệ về giáo dục vì phát triển bền vững với các trường học khác để học hỏi những ý tưởng về giáo dục vì phát triển bền vững.

Hoạt động 2: Tổng kết

Việc lồng ghép nội dung giáo dục vì phát triển bền vững vào giáo dục đòi hỏi nhà trường phải có một chính sách toàn diện và sự hợp tác của tất cả các giáo viên trong trường, cũng như của sinh viên, phụ huynh và cộng đồng rộng lớn bên ngoài.

Hãy tìm hiểu về thập kỷ giáo dục vì phát triển bền vững ở Việt Nam và vận dụng vào trường học tại địa phương.

Phát triển bền vững đã trở thành quan điểm của Đảng, đường lối chính sách của Nhà nước và được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”; “Phát triển kinh tế xã hội gắn chặt với bảo vệ, cải thiện môi trường, đảm bảo sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học”. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững như Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc đề ra, thực hiện cam kết quốc tế về phát triển bền vững, Chính phủ Việt Nam chủ trương xây dựng và ban hành Định hướng chiến lược về phát triển bền vững (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) tại Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Trọng tâm của việc hoàn thành chiến lược phát triển bền vững là sự cần thiết phải giáo dục con người để phát triển bền vững. Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển bền vững. Vì vậy, giáo dục là một phần không thể thiếu của chiến lược phát triển bền vững. Chương trình Nghị sự 21 khẳng định như sau: *"Con người là trung tâm của sự phát triển bền vững. Một trong những nhiệm vụ cốt lõi là cải cách giáo dục và nâng cao nhận thức về phát triển bền vững của các cá nhân, cộng đồng, các doanh nghiệp, các tổ chức và cơ quan ban ngành các cấp"*.

Chính phủ Việt Nam đã thể hiện cam kết chính trị rất cao hướng ứng Thập kỷ này cùng các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế. Ngày 11/11/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 295/QĐ-TTg thành lập Ủy ban về Thập kỷ Giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam do một Phó Thủ tướng đứng đầu gồm đại diện lãnh đạo các bộ/ngành liên quan. Ngày 15/2/2006, tại Hà Nội, Thập kỷ giáo dục vì phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã được phát động cùng với sự ra mắt các thành viên của Ủy ban về Thập kỷ giáo dục vì phát triển bền vững của Việt Nam, là tiền đề quan trọng cho việc tham gia và thực hiện các hoạt động giáo

dục vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam. Là thành viên của Liên hợp quốc và UNESCO, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục tham gia tích cực vào các hoạt động trong khuôn khổ Thập kỷ Giáo dục vì phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Từ năm 1986, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Việt Nam đã được Liên hợp quốc đưa ra khỏi nhóm các nước kém phát triển, song hiện vẫn thuộc nhóm các nền kinh tế có thu nhập thấp. Tốc độ phát triển kinh tế – xã hội khá cao nhưng thời cơ và thách thức lớn cũng đang đặt ra trước sự phát triển bền vững của đất nước. Chất lượng tăng trưởng chưa cao, khoảng cách giữa nông thôn – thành thị, các tệ nạn xã hội gia tăng, các vấn đề về chất lượng giáo dục; ô nhiễm môi trường và tài nguyên cạn kiệt... Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nhất của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Hậu quả của biến đổi khí hậu đối với Việt Nam là nghiêm trọng và là một nguy cơ hiện hữu cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo, cho việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước.

Chính vì vậy, dạy và học vì một tương lai bền vững là một mục tiêu quan trọng của Việt Nam. Việc triển khai Thập kỷ Giáo dục vì phát triển bền vững đòi hỏi phải thay đổi cách nhìn đối với giáo dục; thay đổi, cải tiến chương trình giáo dục (gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục...); xây dựng tư duy mới đối với nội dung phát triển bền vững nhằm thực hiện thành công các nội dung cơ bản trong ba lĩnh vực: văn hoá – xã hội, môi trường và kinh tế.

Việt Nam đã xây dựng một kế hoạch hành động quốc gia cho Thập kỷ với các mục tiêu chính sau:

- Thúc đẩy cải cách giáo dục, tích hợp các nội dung của phát triển bền vững vào trong các chiến lược, chính sách, chương trình và nội dung giáo dục ở tất cả các cấp học.
- Tiếp tục định hướng lại giáo dục (phổ thông và đại học) cũng như giáo dục không chính quy theo hướng phát triển bền vững.
- Giáo dục, nâng cao nhận thức và hiểu biết cho học sinh và cộng đồng phát triển bền vững và nâng cao năng lực thực hiện giáo dục vì phát triển bền vững.
- Tăng cường công tác đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực phục vụ vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Theo đó, trong nửa đầu những năm (2005 – 2009), việc xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về giáo dục phát triển bền vững tại Việt Nam tập trung và tích hợp các chủ đề sau trong giáo dục phát triển bền vững:

- + Khía cạnh môi trường: bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tiết kiệm năng lượng; phát triển nông thôn bền vững; đô thị hoá bền vững; biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.
- + Khía cạnh văn hoá và xã hội: quyền con người; bình đẳng giới; đa dạng văn hoá; sức khoẻ; phòng chống HIV/AIDS; việc làm và thu nhập; cải cách hành chính, công khai – minh bạch.
- + Khía cạnh kinh tế: xoá đói giảm nghèo; ý thức và trách nhiệm cộng đồng; phát triển kinh tế đi đôi bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Nhiều nội dung phát triển bền vững đã được đưa vào chương trình giảng dạy chính khoá hoặc ngoại khoá ở tất cả các cấp học của Việt Nam. Các chính sách và chương trình hành động quốc gia về kinh tế, xã hội, môi trường đã góp phần đưa các chủ đề như bình đẳng giới, quyền trẻ em, HIV/AIDS, giáo dục môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, quản lý và giảm nhẹ thiên tai, phòng chống tham nhũng... vào các chương trình giáo dục chính quy và không chính quy cho tất cả các cấp và các đối tượng. Ở cấp quốc gia, nhiều hoạt động tập trung vào việc xây dựng mạng lưới hợp tác nghiên cứu và nâng cao năng lực triển khai các hoạt động giáo dục phát triển bền vững. Ở địa phương, nhiều trường, học và cộng đồng đã thực hiện những chương trình giáo dục đa dạng đem lại kiến thức và kĩ năng thiết thực để giải quyết các vấn đề xã hội – môi trường tại cấp cơ sở. Trong nửa đầu của Thập kỉ, giáo dục đã nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và đóng góp tích cực vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng mọi mặt của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá.

Bên cạnh đó, Thập kỉ về giáo dục phát triển bền vững cũng chứng kiến những thách thức to lớn đối với vai trò và chất lượng của giáo dục. Hệ thống giáo dục đã có nhiều tiến bộ nhưng còn nặng về giáo dục lí thuyết, nội dung và phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới. Trong những năm qua, việc lồng ghép các chủ đề phát triển bền vững như giáo dục môi trường trong trường học gặp nhiều khó khăn do chương trình giáo dục đã quá tải. Tích hợp các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội vào giáo dục đã góp phần mang lại kiến thức mới, nhưng chưa đem lại sự thay đổi cả về nhận thức và hành vi. Mặc dù đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ từ các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các trường đại học sư phạm

và viện, trung tâm nghiên cứu nhưng việc triển khai giáo dục phát triển bền vững vẫn còn gặp nhiều thách thức về hợp tác và liên kết giữa các cơ quan ban ngành. Trong giáo dục, chưa xác định được mục tiêu, lộ trình, giải pháp để thực hiện giáo dục phát triển bền vững nên khi thực hiện thường thiếu đồng bộ và thiếu hệ thống. Nhận thức về vị trí và vai trò của giáo dục phát triển bền vững còn chưa đầy đủ từ các cấp uỷ Đảng, tổ chức chính trị xã hội đến các tổ chức chính quyền, trường học và người dân. Việc nghiên cứu và triển khai giáo dục phát triển bền vững gặp nhiều hạn chế trong huy động nguồn lực, khó khăn về tài chính, cơ sở kĩ thuật và phương tiện.

Đây là những thách thức và đồng thời cũng là cơ hội để đẩy mạnh giáo dục phát triển bền vững trong thời gian tới. Giáo dục phát triển bền vững trở thành mục tiêu và động lực của việc xây dựng chiến lược giáo dục nói riêng và cho sự phát triển bền vững đất nước nói chung trong nhiều thập kỉ tới. Giáo dục phát triển bền vững đóng vai trò to lớn trong các nỗ lực xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, cải cách chương trình giáo dục và sách giáo khoa, đẩy mạnh đổi mới trong giáo dục, nâng cao chất lượng và thúc đẩy chương trình giáo dục cho mọi người. Giáo dục phát triển bền vững sẽ góp phần quan trọng trong việc giải quyết nguy cơ biến đổi khí hậu và trở thành một công cụ hữu hiệu của phát triển bền vững trong công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá của Việt Nam.



D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNESCO và Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu dạy và học về một tương lai bền vững*, 2001.
2. Trung tâm Sống và Học vì Môi trường và Cộng đồng, *Các tài liệu giáo dục về sự phát triển bền vững, giáo dục môi trường, giáo dục phát triển*, 2005 – 2011.
3. UNESCO – Văn phòng tại Hà Nội, *Các tài liệu giới thiệu lịch sử giáo dục về sự phát triển bền vững*.
4. Việt Nam, *Chương trình Nghị sự 21*.
5. Dandell, K, Ohman, J and Ostman, L. *Education for Sustainable Development: Nature, School and Democracy*, Studentlitteratur, Lund, 2005.
6. Fien, J. *Education and Sustainability, Reorienting Australian Schools for a Sustainable Future*, Tela Papers, No. 8. Australian Conservation Foundation, Melbourne, 2002.
7. Hren, B. and Birney, A. *Pathways, A Development Framework for School Sustainability*, WWF, Godalming, Surrey, 2004.
8. Reid, A. et al. *Participation and Learning, Perspectives on Education and the Environment, Health and Sustainability*, Springer, Dordrecht, 2008.
9. Scott, W. and Gough, S. *Sustainable Development and Learning, Framing the Issues*, Routledge Falmer, London, 2003.
10. Sterling, S. *Sustainable Education: Re-visioning Learning and Change*, Green Books, Bristol, 2002.
11. Sterling, S. et al *Linking Thinking: New Perspectives on Thinking and Learning for Sustainability*, WWF Scotland, 2005.
12. UNESCO, *Educating for a Sustainable Future: A Transdisciplinary Vision for Concerted Action*, 1997.
13. UNESCO, *Education for Sustainability – From Rio to Johannesburg: Lessons learnt from a decade of commitment*, 2002.

